

**QUYẾT ĐỊNH**  
**TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE**

**GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 441 thí sinh hạng B (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 03/4/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, địa chỉ: xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Trung tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Nguyễn Sỹ Hạ, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

**Điều 3.** Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

**Điều 4.** Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


**Nơi nhận:**

- Đ/c Giám đốc (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).



*[Handwritten signature]*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đại tá Nguyễn Đức Cường**

## DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: 1676/QĐ-CAT-PC08 ngày 31 /3/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Trung tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**  
(Kèm theo Quyết định số: 1676/QĐ-CAT-PC08 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	TRƯƠNG THỊ ÁI	03/06/1996	*****34	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38606
2	PHẠM HỒNG AN	10/07/1998	*****45	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	38713
3	PHAN THỊ AN	10/08/1979	*****44	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		38130
4	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	10/08/1993	*****07	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		40392
5	NGUYỄN THỊ KIM ANH	15/07/2002	*****72	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40872
6	NGUYỄN THỊ LAN ANH	19/09/1996	*****73	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40855
7	NGUYỄN HOÀNG ANH	08/10/1997	*****84	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		37409
8	TRẦN HOÀNG ANH	11/10/2004	*****63	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		38266
9	PHAN THỊ NGỌC ANH	13/04/2006	*****83	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40860
10	PHAN THỊ TÚ ANH	06/11/1999	*****22	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38131
11	LÊ TUẤN ANH	17/04/1983	*****24	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		36075
12	PHAN HÙNG ANH	05/05/1998	*****89	Xã Hương Bình, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38304
13	MAI NGỌC ANH	29/04/1993	*****30	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		40903
14	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	11/07/1995	*****62	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40904
15	NGUYỄN ĐỨC BẢO	15/10/2007	*****59	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38613
16	LÔ THỊ BAY	25/10/1989	*****86	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38745
17	TRẦN THỊ BÉ	17/07/1991	*****87	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40385

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
18	TRẦN KIM BÉ	10/09/1987	*****28	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38615
19	NGUYỄN THỊ BÌNH	18/03/1995	*****34	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37366
20	TRẦN THỊ BÌNH	05/03/1987	*****02	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		41086
21	TRẦN CHÍ BÌNH	12/04/1989	*****43	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38387
22	PHAN THỊ THANH BÌNH	14/08/1989	*****51	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39771
23	HÀ HỌC BÌNH	10/12/1976	*****35	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38460
24	LƯƠNG VĂN BÙ	03/02/1989	*****11	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x		37414
25	MAI VĂN CÔNG	14/01/1984	*****19	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	38707
26	VÕ CHÍ CÔNG	22/12/1984	*****14	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37506
27	ĐÀO MẠNH CƯỜNG	10/08/1987	*****00	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39912
28	VÕ VĂN CƯỜNG	20/02/1982	*****54	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38533
29	PHẠM VIỆT CƯỜNG	16/01/1996	*****78	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		38375
30	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	20/10/1994	*****95	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		38288
31	VI VĂN CƯỜNG	05/02/1985	*****05	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38034
32	NGUYỄN VĂN CHÂU	04/04/1985	*****05	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		36999
33	PHẠM THỊ KIM CHI	16/10/1994	*****39	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40856
34	SÂM LAN CHI	20/12/1995	*****08	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40905
35	LƯU QUYẾT CHIẾN	04/10/1994	*****41	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38712

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
36	TRẦN VĂN CHIẾN	29/03/2002	*****38	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		38611
37	NGUYỄN CÔNG CHIẾN	18/10/1999	*****30	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		38685
38	HOÀNG THỊ CHÍN	15/08/1972	*****22	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40869
39	PHAN VĂN CHUẨN	02/09/1962	*****22	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		39171
40	PHAN THỊ CHUNG	06/06/1990	*****28	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40873
41	LÊ SỸ CHUNG	21/02/2004	*****85	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38599
42	NGUYỄN TIẾN CHƯƠNG	19/05/1988	*****49	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38548
43	PHẠM LƯU NGUYỄN CHƯƠNG	04/08/2007	*****89	Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	x	A1m	38689
44	NGUYỄN VĂN DANH	07/03/1988	*****64	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38701
45	PHẠM VĂN DANH	10/05/1991	*****85	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38006
46	LÊ VĂN DẦN	03/02/1960	*****90	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40556
47	DƯƠNG THỊ DIỆU	20/02/1983	*****34	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40861
48	PHẠM THỊ PHƯƠNG DUNG	01/12/2001	*****20	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40867
49	VI THỊ THANH DUNG	29/12/1988	*****79	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40862
50	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	13/12/1993	*****17	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39882
51	ĐẬU THỊ DUNG	20/05/1989	*****08	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40561
52	HOÀNG THỊ THÙY DUNG	10/02/2007	*****15	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40864
53	ĐẬU THỊ DUNG	04/10/1978	*****19	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38386

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
54	TRẦN THỊ DUNG	09/09/1995	*****40	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40907
55	TRẦN THỊ DUNG	10/03/1991	*****73	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40906
56	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	25/07/1990	*****	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		7805
57	TRẦN QUANG DŨNG	29/07/1988	*****09	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38263
58	TRƯƠNG CÔNG DŨNG	01/03/1977	*****29	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		38301
59	LÊ NGỌC DŨNG	06/05/1981	*****64	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		38037
60	HOÀNG VĂN DŨNG	08/10/1993	*****68	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40664
61	PHẠM TIẾN DŨNG	15/05/1993	*****76	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38302
62	NGUYỄN DUY ANH DŨNG	28/08/2001	*****53	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38545
63	PHAN ĐỨC DŨNG	01/06/1969	*****58	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40850
64	HOÀNG ANH DŨNG	03/04/1995	*****03	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38317
65	TẠ KHẮC DUY	07/04/1987	*****81	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38688
66	NGUYỄN CAO DUY	10/09/1978	*****02	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		38555
67	NGUYỄN CÔNG DƯƠNG	26/04/2007	*****80	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		38430
68	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	10/08/1983	*****14	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40550
69	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	02/06/1994	*****01	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40543
70	NGUYỄN THỊ ĐẠO	02/03/1994	*****94	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40652
71	LÊ TIẾN ĐẠT	17/10/2006	*****90	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38547

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Số định danh</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ</b>	<b>Đã có GPLX hạng</b>	<b>Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo</b>
72	THÁI MINH ĐẠT	25/06/2006	*****87	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		36137
73	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	21/01/2000	*****35	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38272
74	ĐỒNG VĂN ĐĂNG	18/11/1992	*****94	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình	x		38024
75	LÊ VĂN ĐỆ	27/03/1999	*****26	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38303
76	CHU VĂN ĐIỀN	06/06/1967	*****62	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		39159
77	TRẦN TRỌNG ĐÌNH	26/01/1997	*****17	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38550
78	MAI TRỌNG ĐỊNH	16/08/1974	*****81	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39818
79	BÙI ĐÌNH ĐỨC	10/06/1990	*****76	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38536
80	ĐẶNG MINH ĐỨC	25/01/2004	*****64	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38389
81	LƯU VĂN ĐỨC	16/03/1971	*****38	Xã Hưng Hà, Tỉnh Hưng Yên	x		38110
82	NGUYỄN MINH ĐỨC	06/08/1988	*****34	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38384
83	LÊ THỊ GIANG	22/11/1990	*****27	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40874
84	PHẠM VĂN GIANG	13/02/2005	*****90	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38549
85	ĐÌNH THỊ TRÀ GIANG	20/10/1996	*****09	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40402
86	HOÀNG THỊ GIANG	10/01/1995	*****81	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40908
87	TRẦN THỊ THU HÀ	03/10/1981	*****55	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38427
88	TRẦN THỊ HÀ	12/10/1981	*****90	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38159
89	TRẦN THỊ HÀ	19/10/1987	*****64	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		37080

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
90	HỒ VĂN HÀ	12/02/1990	*****51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		38618
91	NGUYỄN HẢI HÀ	08/02/1992	*****97	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		38374
92	NGUYỄN NGỌC HÀ	09/06/2007	*****88	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40546
93	LÊ THỊ HÀ	20/06/1996	*****77	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40909
94	TRẦN THỊ HẠNH	02/05/1988	*****04	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		37659
95	NGUYỄN QUANG HẠNH	04/05/1983	*****64	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38692
96	PHAN THỊ THÚY HẠNH	04/11/1984	*****54	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	36783
97	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	01/07/1999	*****46	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40384
98	NGUYỄN THỊ HẠNH	29/09/1999	*****98	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40876
99	PHẠM VĂN HẠNH	10/10/1998	*****83	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38619
100	TRẦN THỊ HẠNH	04/08/1992	*****07	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39704
101	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	15/04/1995	*****72	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40911
102	PHAN VĂN HÀO	13/01/1985	*****19	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38385
103	TRẦN NGỌC HÀO	17/02/2007	*****83	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		38600
104	TRẦN ĐĂNG HÀO	22/08/1976	*****92	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		38039
105	TRẦN THỊ HẰNG	22/06/1988	*****28	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40551
106	THÁI THỊ HẰNG	22/10/1994	*****63	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40875
107	NGUYỄN THỊ HẰNG	27/10/1994	*****66	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		37182

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
108	NGUYỄN THỊ HẰNG	02/01/1980	*****82	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39703
109	PHAN THỊ THU HẰNG	30/04/1989	*****39	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40910
110	NGUYỄN THỊ HẰNG	21/05/1980	*****25	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38236
111	CHU THỊ HẢI HẬU	28/10/1987	*****11	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38596
112	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/04/1974	*****14	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39188
113	NGUYỄN THỊ HIỀN	12/10/1994	*****63	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39175
114	NGÔ THỊ HIỀN	19/10/1974	*****91	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40842
115	NGUYỄN THỊ HIỀN	21/02/1997	*****34	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40877
116	ĐƯỜNG THỊ HIỀN	10/11/1999	*****32	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40858
117	TRƯỜNG THỊ HIỀN	28/03/1994	*****41	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40912
118	NGUYỄN VĂN HIỀN	21/10/1994	*****64	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38605
119	BÙI MINH HIỆP	16/03/2004	*****93	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40414
120	LÔ VĂN HIỆP	12/07/1985	*****37	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38432
121	ĐẶNG NGỌC HIỆP	27/07/1982	*****43	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		39705
122	NGUYỄN THÁI HIẾU	25/04/1984	*****28	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38307
123	NGÔ XUÂN HIẾU	27/07/1996	*****71	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38274
124	LÊ ĐỨC HINH	08/09/1987	*****64	Xã Nông Công, Tỉnh Thanh Hóa	x		38616
125	TRẦN THỊ HOA	22/03/1984	*****44	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40382

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
126	TRẦN THỊ HOA	05/04/1999	*****85	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40913
127	THÁI ĐÌNH HÒA	30/10/1974	*****46	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40660
128	PHAN THỊ HOÀI	20/10/1996	*****93	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40879
129	NGÔ THỊ HOÀI	28/12/1980	*****42	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		40878
130	VÕ VĂN HOÀN	04/02/1956	*****54	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		38379
131	NGUYỄN HỮU HOÀNG	21/04/1999	*****12	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37395
132	LỮ VĂN HỒNG	04/02/1973	*****70	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39169
133	TRẦN DANH HỒNG	02/01/1971	*****77	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40865
134	HOÀNG ĐỨC HỒNG	02/01/2001	*****18	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		38285
135	NGUYỄN THỊ HUẾ	26/02/1998	*****85	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	35689
136	TRỊNH THỊ MINH HUỆ	27/10/1972	*****18	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		37620
137	NGUYỄN QUANG HUỆ	01/04/1966	*****22	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		40880
138	TRẦN THỊ HUỆ	20/08/1988	*****11	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40859
139	TRẦN THỊ HUỆ	08/04/1984	*****65	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40773
140	NGUYỄN HỮU HÙNG	05/09/1989	*****96	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		38041
141	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	28/10/1986	*****28	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37416
142	HOÀNG SỸ HÙNG	18/08/1991	*****19	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38268
143	VÕ TRỌNG HÙNG	18/09/1977	*****12	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37791

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
144	NGÔ QUANG HUY	06/09/2001	*****11	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	33821
145	NGUYỄN VĂN HUY	20/08/2003	*****34	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		38392
146	NGUYỄN SỸ HUY	20/11/1991	*****79	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		40845
147	TRẦN THỊ THU HUYỀN	18/06/1996	*****71	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		36214
148	NGÔ THỊ HUYỀN	18/08/1993	*****34	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		39647
149	HÀ THANH HUYỀN	31/01/2002	*****94	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40881
150	LƯƠNG THỊ HUYỀN	15/01/1992	*****90	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		40866
151	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	05/10/1998	*****82	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40648
152	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	02/02/2001	*****00	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40882
153	LÔ THỊ KIM HUYỀN	04/11/1995	*****52	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		40916
154	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	01/12/2001	*****96	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38690
155	PHẠM NGỌC HOÀNG HÙNG	19/09/1996	*****87	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	33022
156	ĐÀO MAI HƯƠNG	20/08/2002	*****09	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40863
157	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	28/02/1999	*****54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40396
158	HOÀNG THỊ HƯƠNG	10/02/1984	*****05	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39821
159	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/05/1983	*****87	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		36213
160	NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG	06/07/1979	*****34	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40774
161	HỒ THỊ HƯƠNG	10/09/1998	*****65	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40403

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
162	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/01/1995	*****72	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39890
163	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/01/1994	*****79	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	40914
164	HOÀNG THỊ HƯƠNG	20/10/1986	*****00	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		35491
165	LƯƠNG THỊ HƯỜNG	21/10/1972	*****14	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40775
166	ĐÌNH THỊ HƯỜNG	10/06/1985	*****78	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40349
167	NGUYỄN VIỆT KIÊN	11/07/1995	*****53	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38383
168	VÕ TRUNG KIÊN	20/05/2006	*****13	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38612
169	TRẦN TRUNG KIÊN	30/08/2001	*****00	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	x		36007
170	NGUYỄN TUẤN KIẾT	01/07/2006	*****34	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38702
171	THÁI THỊ THANH KIỀU	12/03/2001	*****22	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40851
172	NGUYỄN DUY KỶ	22/05/1999	*****86	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		38535
173	PHAN ĐÌNH KHẢI	08/03/1992	*****33	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38543
174	PHAN VĂN KHẢI	16/10/1997	*****92	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40645
175	TRẦN HỮU KHÁNH	02/09/1979	*****36	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		38013
176	NGUYỄN HỮU KHÁNH	02/09/2005	*****38	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38681
177	LÊ SỸ ĐẠI KHÁNH	27/11/2002	*****09	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40870
178	BÙI THỊ HỒNG KHÁNH	25/08/2000	*****31	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40769
179	NGUYỄN QUANG KHỞI	22/02/1993	*****71	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		37881

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
180	NGUYỄN THỊ LAM	08/03/1979	*****40	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40917
181	NGUYỄN THỊ THU LAN	10/09/1989	*****80	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		40883
182	VI VĂN LÊ	13/09/1987	*****39	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	x		38429
183	DƯƠNG XUÂN LÊ	22/01/1980	*****41	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38042
184	PHẠM THỊ LÊ	18/09/2001	*****61	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41087
185	VI VĂN LÊ	13/06/1990	*****52	Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38312
186	NGUYỄN THỊ LỊCH	17/07/1975	*****89	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39918
187	NGUYỄN THỊ LIÊN	07/10/2000	*****8	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		36791
188	MAI VĂN LIỆU	20/05/1965	*****54	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		37775
189	THÁI THỊ MỸ LINH	20/07/1995	*****27	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40852
190	NGUYỄN THỊ LINH	10/12/1976	*****61	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39198
191	NGUYỄN MAI LINH	03/11/2001	*****18	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40547
192	HỒ TRẦN GIA LINH	22/02/2007	*****79	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40386
193	NGUYỄN DUY LINH	06/11/1995	*****77	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37413
194	PHAN THỊ THÙY LINH	05/07/1987	*****59	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40657
195	NGUYỄN THÙY LINH	27/09/2006	*****21	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40918
196	NGUYỄN VĂN LĨNH	09/10/1972	*****69	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40857
197	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	09/07/1993	*****68	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40653

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Số định danh</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ</b>	<b>Đã có GPLX hạng</b>	<b>Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo</b>
198	NGUYỄN HẢI LONG	01/07/1976	*****61	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38291
199	NGUYỄN SƠN LONG	20/04/1990	*****05	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36954
200	HOÀNG XUÂN LONG	21/11/1991	*****57	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40885
201	NGUYỄN HOÀNG LONG	02/01/2001	*****77	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38271
202	PHẠM SỸ LỘC	22/09/1982	*****69	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38542
203	TÔ THỊ LỘC	20/04/1994	*****14	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40919
204	NGUYỄN THỊ LỢI	20/02/1993	*****43	Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh	x		40884
205	TRẦN VĂN LỢI	08/05/2006	*****54	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40920
206	NGUYỄN VĂN LỰC	11/03/1995	*****06	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38598
207	NGUYỄN THỊ MAI LƯƠNG	26/03/2000	*****79	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	37150
208	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	25/03/1982	*****90	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38610
209	NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG	21/08/2006	*****34	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38694
210	HỒ MẬU LƯỢNG	10/07/1989	*****19	Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng	x	A1	38697
211	LÊ NGỌC LƯỢNG	03/07/1994	*****75	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38683
212	VI THỊ THÙY LY	25/05/2006	*****40	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40377
213	NGUYỄN THỊ MAI	24/07/1990	*****83	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		39299
214	PHẠM NGỌC MAI	06/11/1974	*****95	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37623
215	NGUYỄN ĐÌNH MAI	15/10/1967	*****09	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		39809

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
216	DƯƠNG THI MAI	21/10/1990	*****22	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40822
217	NGUYỄN VĂN MẠNH	27/02/1999	*****60	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40234
218	ĐẬU ĐÌNH MẠNH	09/05/1998	*****81	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		
219	HOÀNG ĐÌNH MÃO	02/09/1988	*****66	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		38286
220	NGUYỄN ĐÌNH MÃO	15/01/1975	*****28	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		35886
221	PHẠM THỊ MÂN	15/07/1993	*****56	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40552
222	ĐẶNG THỊ MINH	12/12/1973	*****20	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40849
223	LƯƠNG VĂN MUN	15/09/1981	*****63	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38431
224	PHAN VĂN MUỖI	08/05/1979	*****65	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40770
225	ĐỒNG THỊ MỸ	14/06/1995	*****34	P. Cửa Lò, T. Nghệ An	x	A1	39150
226	VÕ VĂN NAM	10/07/1990	*****46	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38538
227	ĐÌNH VĂN NAM	07/04/1997	*****66	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		38283
228	HỒ SĨ NINH	18/10/1999	*****08	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38698
229	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	24/04/2007	*****31	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40654
230	HOÀNG THỊ NGA	15/07/1989	*****50	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36220
231	NGUYỄN THỊ NGÂN	01/08/1995	*****91	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		38261
232	HOÀNG THỊ NGÂN	25/11/1997	*****73	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		39718
233	LÊ VĂN NGHĨA	18/12/1990	*****45	Xã Kỳ Thượng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		37788

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
234	PHẠM TRUNG NGHĨA	22/07/2005	*****60	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38295
235	PHAN THỊ NGỌC	15/10/1998	*****56	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40563
236	NGUYỄN THỊ NGỌC	09/12/1986	*****33	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40887
237	NGUYỄN VĂN NGỌC	03/08/1995	*****59	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		38299
238	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	19/01/2003	*****12	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	38277
239	TRẦN THỊ HẢI NGỌC	14/09/1984	*****16	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		39827
240	TRỊNH QUỐC NGỌC	27/10/1997	*****23	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38711
241	NGUYỄN CAO NGUYỄN	25/04/1984	*****65	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		38691
242	PHAN THỊ NGUYỆT	27/08/2004	*****38	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40548
243	NGÔ THỊ NGUYỆT	26/12/1997	*****67	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40474
244	PHÙNG THỊ NGUYỆT	15/10/1983	*****03	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40541
245	THÁI THỊ NHÂM	14/10/1993	*****85	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40544
246	VI VĂN NHẬT	13/03/1987	*****71	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40889
247	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	25/09/1997	*****41	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38709
248	NGUYỄN VĂN NHẬT	01/09/1985	*****01	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40393
249	NGUYỄN NGỌC NHẬT	01/05/1989	*****95	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38554
250	NGUYỄN VĂN NHẬT	13/11/1992	*****85	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38700
251	ĐẬU SỸ NHẬT	05/04/2002	*****22	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		40843

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
252	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	19/02/2004	*****84	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40553
253	HỒ ÁNH NHI	06/11/2000	*****89	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	40854
254	CAO THỊ TUYẾT NHUNG	27/07/1988	*****07	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40853
255	ĐẶNG CẨM NHUNG	14/02/2006	*****11	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		40394
256	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	25/04/1995	*****68	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40411
257	TRẦN THỊ NGỌC NHƯ	17/03/2007	*****17	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38946
258	THÁI THỊ OANH	16/05/1993	*****06	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		40767
259	LÊ THỊ OANH	29/12/1990	*****80	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		39720
260	NGUYỄN THỊ OANH	06/01/1992	*****75	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40921
261	TRẦN VIỆT PHÁP	07/01/1992	*****46	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40401
262	LÊ TUẤN PHÁT	02/09/2006	*****44	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38136
263	NGUYỄN VĂN PHI	19/05/1969	*****30	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		37514
264	NGUYỄN VĂN PHONG	25/10/1985	*****03	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40890
265	NGÔ VĂN PHONG	19/07/2002	*****67	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38551
266	HOÀNG HÀ PHÚ	08/10/2005	*****83	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38372
267	NGUYỄN THỊ PHÚ	01/08/1984	*****95	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40409
268	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	27/04/1987	*****67	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40891
269	THÁI ĐÌNH PHÚC	22/09/2007	*****06	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		38620

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
270	NGUYỄN CÔNG PHÚC	13/01/1993	*****13	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		38289
271	LƯƠNG VĨNH PHÚC	18/09/1986	*****07	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		31833
272	TRẦN VĂN PHÚC	20/07/1991	*****36	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36958
273	LÊ THỊ PHƯƠNG	28/04/1993	*****02	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40415
274	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	28/07/2003	*****92	Xã Thiệu Toán, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	37148
275	PHAN QUỲNH PHƯƠNG	08/08/2003	*****74	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38047
276	THÁI MINH PHƯƠNG	16/08/2000	*****31	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40650
277	LÊ THỊ PHƯƠNG	05/06/1990	*****08	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40922
278	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	24/09/1996	*****32	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40923
279	ĐÀO CÔNG PHƯƠNG	08/01/2003	*****77	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36325
280	NGÔ THỊ PHƯƠNG	01/09/1990	*****70	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40892
281	LÊ VĂN QUẢN	05/09/1975	*****39	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		36192
282	VÕ THÀNH QUANG	13/07/1986	*****65	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38714
283	LÊ VĂN QUANG	28/10/1984	*****54	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		37384
284	NGUYỄN HÀM QUÂN	05/05/2003	*****75	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38275
285	NGUYỄN QUỐC QUÂN	07/09/1996	*****07	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		38373
286	THÁI VĂN QUÂN	16/09/1996	*****12	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36933
287	PHAN KIM QUÂN	13/03/2002	*****36	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		35646

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Số định danh</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ</b>	<b>Đã có GPLX hạng</b>	<b>Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo</b>
288	NGUYỄN BÙI ANH QUÂN	29/10/2005	*****47	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38269
289	NGUYỄN VĂN QUÝ	30/06/1993	*****97	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38017
290	CAO NHƯ QUÝ	26/06/1993	*****76	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38617
291	CHU VĂN QUÝ	24/04/1993	*****08	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40868
292	HỒ ĐÌNH QUYỀN	21/10/1987	*****62	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		38608
293	DƯƠNG TRỌNG QUYẾT	03/01/2007	*****61	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40549
294	VI VĂN QUỲNH	12/10/1986	*****92	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	x		38428
295	NGUYỄN THỊ QUỲNH	06/06/1991	*****17	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		40658
296	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	15/05/1978	*****39	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		40381
297	HOÀNG VĂN QUỲNH	20/10/1988	*****35	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		37418
298	LÊ THỊ HẠNH QUỲNH	08/09/2001	*****38	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40844
299	NGÔ QUANG SANG	26/10/2007	*****75	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38621
300	TRẦN TRỌNG SANG	02/07/1989	*****45	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		36909
301	TRẦN VĂN SÁNG	15/06/2006	*****36	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38296
302	PHAN ĐỨC SINH	20/12/1991	*****91	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38380
303	LÂM THỊ SỢI	06/06/1991	*****52	Xã Trực Ninh, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	40893
304	NGUYỄN HỒNG SƠN	12/04/1963	*****49	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		39184
305	LƯU ĐỨC TÀI	20/04/1992	*****43	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38708

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
306	NGUYỄN TẤN TÀI	01/06/2007	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38553
307	NGÔ SỸ TÀI	02/06/2006	*****30	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38213
308	NGUYỄN THỊ THU TÂM	22/09/2002	*****00	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40894
309	ĐẶNG BÁ TÂM	06/05/2000	*****30	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		38537
310	NGUYỄN THỊ TÂM	08/10/2005	*****75	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38680
311	PHAN THỊ MINH TÂM	09/11/1972	*****63	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		40924
312	NGUYỄN DUY TIẾN	08/09/1998	*****09	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37400
313	NGUYỄN THỊ TIẾN	24/05/1975	*****40	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40899
314	BÙI ANH TIẾN	28/09/1992	*****94	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		38388
315	QUÁCH THỊ TIẾN	06/12/1987	*****33	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39779
316	PHAN THỊ TÌNH	07/12/1987	*****14	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		40929
317	NGUYỄN XUÂN TOẠI	01/06/2005	*****09	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38394
318	NGUYỄN THỊ TOÀN	16/04/1982	*****69	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		38573
319	HÀ HUY TOẢN	29/11/2007	*****52	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		38256
320	ĐINH VĂN TOẢN	28/07/1983	*****19	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38393
321	NGUYỄN QUỐC TOẢN	02/07/1987	*****91	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40900
322	PHẠM ANH TÚ	15/05/1979	*****20	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38382
323	ĐÀO THANH TÚ	09/05/1996	*****72	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38126

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
324	NGUYỄN TRẦN TÚ	07/01/2002	*****12	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40931
325	ĐẶNG THANH TUẤN	02/10/1991	*****07	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38609
326	ĐÀO DANH TUẤN	30/08/2007	*****57	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		38699
327	VI TRỌNG TUẤN	30/08/1993	*****49	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		38390
328	BÙI HOÀNG TUẤN	17/12/1988	*****05	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38546
329	LÊ MẠNH TÙNG	05/09/1974	*****09	P. Cửa Lò, T. Nghệ An	x		38422
330	NGUYỄN ĐỨC TUYỀN	02/04/2001	*****10	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38138
331	PHAN THỊ TUYỀN	10/05/1985	*****20	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40397
332	TRẦN THỊ TUYẾT	15/01/1983	*****21	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40847
333	NGUYỄN VIỆT TUỞNG	08/06/1991	*****25	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38300
334	VÕ QUỐC THÁI	14/03/1984	*****56	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x		38710
335	LÊ VĂN THÁI	13/01/1979	*****89	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		38696
336	HOÀNG VĂN THÁI	26/05/1989	*****19	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		38294
337	ĐOÀN VĂN THÁI	26/08/1979	*****63	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38377
338	TRẦN NHÂM THÁI	22/12/1982	*****40	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		36167
339	NGÔ TRÍ THANH	05/01/1984	*****52	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38607
340	PHẠM VĂN THANH	22/07/2004	*****11	Xã Hoàng Thanh, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	37087
341	LÊ THỊ THANH	22/07/2003	*****81	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40925

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Số định danh</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ</b>	<b>Đã có GPLX hạng</b>	<b>Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo</b>
342	TẠ QUANG THÀNH	21/12/1996	*****71	Phường Đông Tiến, Tỉnh Thanh Hóa	x		38423
343	TRẦN QUANG THÀNH	15/10/1995	*****71	Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38552
344	NGUYỄN THỊ THÀNH	02/03/1982	*****31	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40895
345	HOÀNG THỊ THÀNH	01/06/1987	*****83	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39022
346	HOÀNG VĂN THAO	15/08/1992	*****13	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		38541
347	NGUYỄN VIỆT THẢO	30/10/1999	*****98	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		37397
348	PHAN THỊ THÚY THẢO	27/07/1996	*****37	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		40955
349	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	18/09/1970	*****61	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40405
350	NGUYỄN THỊ THẢO	02/01/1990	*****09	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40897
351	NGUYỄN THỊ THẢO	25/07/1995	*****35	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40896
352	NGUYỄN THỊ THẢO	06/03/2001	*****60	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40829
353	ĐINH THỊ THẨM	14/10/1974	*****29	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39899
354	VÕ THỊ THẨM	20/02/1991	*****64	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		226345
355	NGUYỄN VĂN THẮNG	10/08/2007	*****17	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40413
356	HOÀNG CÔNG THẮNG	01/02/2004	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38678
357	PHẠM VĂN THẮNG	11/03/1975	*****51	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37396
358	TRẦN VĂN THẮNG	14/04/1994	*****98	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38028
359	DƯƠNG VĂN THẮNG	22/05/2001	*****72	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		38715

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
360	CAO VĂN THẮNG	21/05/1989	*****03	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		
361	HOÀNG THỊ THÂN	17/05/1980	*****03	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40375
362	NGUYỄN ĐÌNH THẾ	23/07/1995	*****27	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38278
363	NGUYỄN ĐÌNH THẾ	23/04/1981	*****60	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38051
364	NGUYỄN DUY THIẾT	04/05/1995	*****58	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38122
365	NGUYỄN VĂN THIỆU	22/02/2005	*****57	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		38704
366	NGUYỄN SỸ THÌN	18/01/1989	*****95	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		38287
367	LƯƠNG THỊ THÔNG	06/08/1982	*****24	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37391
368	PHAN VĂN THÔNG	20/05/1974	*****27	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38539
369	NGUYỄN THỊ THU	06/04/2002	*****45	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39925
370	HOÀNG THỊ THU	14/07/1994	*****50	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39902
371	NGUYỄN THỊ THU	16/06/1992	*****13	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40926
372	NGUYỄN HOÀNG THUẬN	02/10/1994	*****00	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36963
373	HOÀNG THỊ THUẬN	20/10/1992	*****43	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40898
374	NGUYỄN HỮU THUNG	18/08/1992	*****07	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38588
375	NGUYỄN THỊ THỦY	07/06/1996	*****74	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40399
376	BÙI THỊ BÍCH THỦY	12/10/1988	*****42	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39182
377	TRẦN THỊ THỦY	03/08/1978	*****99	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		38420

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
378	TRẦN THỊ THỦY	01/05/1984	*****29	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39185
379	HỒ THỊ THỦY	23/07/1982	*****21	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		40928
380	HOÀNG THỊ THÚY	20/03/1992	*****17	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		40407
381	NGUYỄN THỊ THÚY	06/12/1983	*****04	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		39724
382	PHÙNG THỊ LAN THÚY	15/03/2002	*****09	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40001
383	TRẦN THỊ ANH THƯ	11/10/2002	*****08	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40540
384	PHAN THỊ THỰC	16/03/1979	*****36	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40655
385	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/10/1997	*****60	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37417
386	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/05/1979	*****31	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40383
387	MẠNH THỊ HÀ THƯƠNG	16/02/2001	*****54	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38426
388	VÕ THỊ HOÀI THƯƠNG	23/12/1987	*****43	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		39152
389	LÔ THỊ ÚT THƯƠNG	09/12/2003	*****23	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40927
390	BÀNH XUÂN THƯỜNG	04/04/1960	*****33	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40848
391	HOÀNG THỊ THƯỜNG	01/07/1988	*****28	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36913
392	PHAN THỊ THANH TRÀ	25/03/1988	*****52	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40412
393	NGUYỄN THỊ TRÀ	27/07/1991	*****24	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		35821
394	ĐẶNG NGUYỄN LINH TRANG	04/11/2001	*****47	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36491
395	NGUYỄN THỊ TRANG	25/10/1988	*****37	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39904

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
396	NGUYỄN THỊ TRANG	22/10/2002	*****43	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40663
397	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	03/03/1996	*****29	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		39656
398	LƯU THỊ TRANG	24/06/1997	*****33	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40659
399	TRẦN THỊ THÙY TRANG	31/08/2003	*****01	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40930
400	NGUYỄN THỊ TRANG	01/06/1992	*****36	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		39851
401	HOÀNG THỊ TRANG	13/03/1992	*****98	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		39788
402	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	20/08/2007	*****36	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40661
403	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	15/03/1998	*****38	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		36113
404	MAI LÊ THÙY TRÂN	28/09/2005	*****73	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40389
405	NGUYỄN PHÚC TRIỆU	20/08/2007	*****64	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38214
406	HOÀNG ĐÌNH TRINH	02/04/1974	*****23	Xã Bình Chuẩn, tỉnh Nghệ An	x		51143
407	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	23/11/2006	*****10	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40846
408	TRẦN VĂN TRUNG	26/06/1987	*****54	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		35738
409	TRẦN ĐĂNG TRƯỜNG	04/02/1988	*****30	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38031
410	PHAN XUÂN TRƯỜNG	22/05/1974	*****27	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39756
411	LƯU THU UYÊN	23/11/2005	*****84	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40378
412	NGUYỄN NGỌC UYÊN	19/05/2002	*****92	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40771
413	ĐINH TRỌNG VĂN	29/05/1995	*****10	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38054

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
414	NGUYỄN THỊ VÂN	18/04/1987	*****23	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40656
415	HOÀNG THỊ THỦY VÂN	28/03/2001	*****90	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39930
416	NGUYỄN THỊ VÂN	20/06/1992	*****29	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40400
417	VI THỊ VÂN	25/09/1979	*****90	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		40023
418	ĐẶNG QUỐC VẬN	24/07/1984	*****90	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		37412
419	NGUYỄN VĂN VIỆT	08/04/1986	*****13	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38592
420	HÀ QUANG VINH	29/06/2006	*****23	P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	x		37402
421	HỒ CÔNG VINH	14/08/1999	*****73	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38292
422	NGUYỄN THỊ VINH	04/06/1992	*****95	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40932
423	VI VĂN VỎ	18/06/1974	*****99	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37424
424	NGUYỄN THỊ HỒNG VƠN	02/09/1976	*****04	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37107
425	TRỊNH ĐOÀN ANH VŨ	02/02/2007	*****15	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38695
426	TRẦN MINH VŨ	05/06/2007	*****97	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40073
427	TRẦN VĂN VŨ	28/10/2005	*****89	Xã Cẩm Hưng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38604
428	NGUYỄN VĂN VUI	10/04/1982	*****68	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36045
429	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/01/1990	*****82	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38684
430	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	29/07/1998	*****07	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		40406
431	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VY	04/06/2002	*****69	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40559

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Số định danh</b>	<b>Nơi cư trú</b>	<b>Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ</b>	<b>Đã có GPLX hạng</b>	<b>Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo</b>
432	TRẦN THỊ XUÂN	20/08/1998	*****77	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40646
433	HỌC VĂN XUÂN	20/05/1984	*****46	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x		40390
434	LÊ THỊ XUÂN	12/12/1983	*****00	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40902
435	HOÀNG THỊ XUÂN	12/09/1975	*****95	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40404
436	XEO THỊ XUYỀN	11/11/1986	*****09	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		38534
437	NGUYỄN THỊ YÊN	30/06/1973	*****05	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40933
438	ĐẶNG THỊ YẾN	14/01/1986	*****43	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38378
439	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	04/02/1989	*****27	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	35462
440	ĐINH THỊ PHI YẾN	22/09/1991	*****25	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40934
441	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG YẾN	18/08/2000	*****47	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40935